

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quý II năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NỔI BẬT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

- Các thông tin về chỉ đạo, điều hành tập trung trọng tâm các nội dung: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị chức năng tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 06/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 26/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Rà soát góp ý các phương án ngành nông nghiệp môi trường tích hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050¹. Xử lý, đơn đốc khắc phục tình trạng hồ sơ đất đai trễ hạn trên hệ thống theo chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tỉnh giao Sở tập trung nghiên cứu, đề xuất các dự án lớn nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế biển. Sở đã cùng lãnh đạo UBND tỉnh liên hệ làm việc với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính tranh thủ sự hỗ trợ. Chỉ đạo tổ chức triển khai kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đối với các dự án trọng tâm về đề kè phòng chống sạt lở. Tiếp đón làm việc với lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về đề xuất các dự án lấn biển, phòng chống sạt lở².

Chỉ đạo công tác chuyên môn (an toàn thực phẩm, kiểm soát vệ sinh giết mổ, vệ sinh môi trường,...) đảm bảo hoạt động vui xuân đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026. Chỉ đạo khẩn trương thu hồi các nợ tạm ứng thuộc Sở Tài nguyên

¹ thành lập Ban Chỉ đạo và các Tổ giúp việc xây dựng các phương án điều chỉnh Quy hoạch; Chủ trì và đồng chủ trì cùng lãnh đạo UBND tỉnh, phối hợp Sở Tài chính và tư vấn hợp rà soát góp ý, cập nhật bổ sung vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, họp thành viên Hội đồng thẩm định, góp ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050

² Kết quả Sở đã có đề xuất Hệ thống kè phòng, chống sạt lở bờ biển (tổng chiều dài khoảng 108 km); Dự án Kè lấn biển kết hợp khu logistics phục vụ Cảng Hòn Khoai (chiều dài khoảng 27 km; tạo quỹ đất khoảng 3.000 ha; tổng vốn khoảng 10.441 tỷ đồng), định hướng đầu tư theo hình thức PPP; Dự án Hệ thống kiểm soát nước Gành Hào (tổng vốn khoảng 4.500 tỷ đồng), gồm công Âu Gành Hào và hệ thống cống điều tiết khép kín chống ngập đô thị trung tâm tỉnh. Qua làm việc với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các dự án cơ bản được ủng hộ đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030; riêng dự án kè cấp bách 57,6 km đang được xem xét theo quy trình khẩn cấp. Tỉnh cũng đã làm việc với Bộ Tài chính đề xuất sử dụng nguồn vượt thu ngân sách Trung ương năm 2025 để triển khai ngay dự án kè cấp bách. Bên cạnh đó, Tập đoàn Xuân Thiện đề xuất đầu tư tổ hợp khu công - nông nghiệp, đô thị, logistics và năng lượng quy mô lớn theo mô hình kinh tế tuần hoàn; tỉnh đã thành lập Tổ công tác nghiên cứu cơ chế đặc thù triển khai dự án.

và Môi trường Bạc Liêu (cũ); đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2024 và các năm trước chưa thực hiện. Tiếp đón làm việc với Đoàn Thanh tra IUU của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Đoàn Thanh tra của EC. Khảo sát thực tế tại các khu/điêm tái định cư theo các Phương án tái định cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Lãnh đạo, chỉ đạo và chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị tại nghiêm túc, đồng bộ, gắn với nhiệm vụ chính trị của ngành³. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và nhiệm vụ trọng tâm năm 2026. Phối hợp Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch thực hiện tăng trưởng kinh tế 10% năm 2026. Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 13 NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL. Chỉ đạo khẩn trương ban hành Kế hoạch hành động của Sở thực hiện các Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 01/CTr-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2026 về thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và số 02/CTr-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Triển khai Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện kết luận của đồng chí Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi họp về tình hình triển khai một số sự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang và Cà Mau. Chỉ đạo giải quyết khó khăn vướng mắc trong thu hút đầu tư Hồ nước ngọt Khánh An.

- Tính đến 10/3/2026, trong quý tiếp nhận và xử lý hơn 9.911 văn bản đến; ban hành 3.235 văn bản chỉ đạo, điều hành; tổ chức 135 cuộc họp, làm việc, đi công tác địa phương, cơ sở để nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Sản xuất ngư - nông- lâm - diêm nghiệp

1.1. Thủy sản

³ Chỉ đạo chủ động ban hành Kế hoạch số 18/KH-SNNMT ngày 27/01/2026 về việc thực hiện chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 20230.

Tổng sản lượng thủy sản quý I ước đạt 249.034 tấn, đạt 19,6% kế hoạch, tăng 5,2% so cùng kỳ. Trong đó: tôm 99.040 tấn, bằng 16,9% kế hoạch, tăng 13,3% so cùng kỳ⁴.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đến thời điểm hiện nay của tỉnh ước đạt 439.237 ha. Trong đó, diện tích nuôi tôm 422.194 ha, cụ thể: Diện tích tôm thâm canh 11.016 ha/KH 11.500 ha, bằng 95,8% kế hoạch và tăng 17,6% so cùng kỳ. Diện tích tôm thâm canh 25.228 ha/KH 22.000 ha, tăng 14,7% kế hoạch và tăng 20,9% so cùng kỳ. Diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến (tôm - rừng, tôm - lúa, tôm - cua - cá,...) 385.950 ha, bằng 100,4% kế hoạch, tăng 4,2% so cùng kỳ.

Riêng diện tích nuôi thủy sản khác: 6.385 ha nuôi cá⁵; 365.421 ha nuôi cua kết hợp, 964 ha nuôi cá nước mặn lợ⁶; 146 ha nuôi Artemia. Nuôi nhuyễn thể (1.196 lồng/13.075 m² nuôi hào lồng; 9.404 ha sò huyết; 134 ha nuôi vọp...). Ngoài ra nuôi cá lồng bè tại vùng biển khu vực đảo Hòn Khoai có 87 bè/290 lồng

Trong quý ghi nhận 189,83 ha, diện tích nuôi tôm nhiễm bệnh bị thiệt hại⁷. Bệnh trên cua 27 ha. Kịp thời khuyến cáo, hướng dẫn người dân thực hiện quy trình, biện pháp phòng ngừa, xử lý dịch bệnh trên các đối tượng thủy sản.

So cùng kỳ và quý trước, giá tôm sú tăng từ 10.000 đồng - 25.000 đồng/kg tùy size. Giá tôm thẻ chân trắng, giảm từ 9.000-40.000đ/kg tùy size, riêng size 100 con/kg tăng 2.000đ/kg so với cùng kỳ.

Tổng số tàu cá đăng ký là 5.162 phương tiện với tổng công suất 801.956 KW (tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên là 1.913 phương tiện với tổng công suất 522.431 KW); 100% tàu cá đã lắp máy VMS và đồng bộ tín hiệu lên hệ thống giám sát tàu cá; thực hiện cấp 22 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật. Trong tháng, không phát sinh tàu cá bị phạm vùng biển nước ngoài, tàu cá mất kết nối bị xử lý vi phạm. Công tác kiểm soát tàu cá, giám sát sản lượng, truy xuất nguồn gốc thủy sản đảm bảo thực hiện theo quy định. Từ đầu năm đến nay có 7.925 lượt tàu cập, rời cảng; sản lượng thủy sản qua cảng 44.627 tấn đạt 48,9% sản lượng thủy sản khai thác; đã cấp 72 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản với khối lượng 672 tấn nguyên liệu. Trong quý, tổ chức thẩm định 1.296 hồ sơ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá của các nhà mạng, tiếp và làm việc với đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra lần thứ 5 của EC.

⁴ Sản lượng khai thác thủy sản trong quý ước đạt 91.264 tấn bằng 25,4% so kế hoạch, tăng 3% so cùng kỳ (sản lượng tôm khai thác 5.071 tấn, bằng 28,4% KH và tăng 6,5% so CK). Sản lượng nuôi trồng thủy sản trong quý ước đạt 157.770 tấn, bằng 17,4% kế hoạch, tăng 6,5% so cùng kỳ (sản lượng tôm nuôi 87.950 tấn, bằng 16,5% KH, tăng 13,7% so CK).

⁵ Trong đó có 105,3 ha nuôi cá sặc rằn (cá bổi) thâm canh

⁶ hiện vụ nuôi đã kết thúc

⁷ Bệnh trên tôm QC, QCCT 47 ha; bệnh trên tôm STC, TC (đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp, vi bào tử trùng ...) 142,83ha

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc khai thác nguồn lợi thủy sản có tính hủy diệt trong tình hình mới⁸. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản năm 2026.

1.2. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

Trong quý, xuống giống và thu hoạch dứt điểm trà lúa Thu Đông và lúa mùa, lúa tằm; riêng lúa Đông Xuân đang vào tiến độ thu hoạch cao điểm. Lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Tổng sản lượng lúa thu hoạch trong quý 892.377 tấn, bằng 47,5% so kế hoạch và 99,5% so cùng kỳ.

- Lúa Thu Đông: xuống giống, thu hoạch trong quý 34.051 ha (đạt 100% diện tích kế hoạch). Năng suất bình quân 6,44 tấn/ha.

- Lúa tằm: xuống giống, thu hoạch trong quý 88.440,6 ha (đạt 100% diện tích XG). Năng suất bình quân 5,4 tấn/ha.

- Lúa mùa: xuống giống, thu hoạch trong quý 2.087 ha, năng suất bình quân 4,17 tấn/ha.

- Lúa Đông Xuân: xuống giống trong quý 92.727 ha/KH 93.436 ha, thu hoạch 16.307 ha. Năng suất bình quân 6,31 tấn/ha.

- Về tình hình giá lúa: Giá bán lúa Thu Đông, lúa tằm, lúa Đông Xuân có dao động tăng nhẹ so với tháng trước 300 - 500 đồng/kg, riêng lúa ST24,25 giá giảm từ 500 – 800 đồng/kg.

- Sinh vật gây hại hiện nay chủ yếu trên trà lúa Đông Xuân như: Ốc bươu vàng, Bọ trĩ, sâu phao, rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, đạo ôn lá, cháy bìa lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt, chuột đã phòng được phòng trừ.

- Rau màu xuống giống đến nay được 5.302,49 ha, thu hoạch 2.885,9ha, năng suất bình quân 9.22 tấn/ha. Giá bán rau màu nhìn chung giảm so với tháng trước từ 2.000 – 5.000 đồng/kg tùy theo loại rau màu.

b. Chăn nuôi

⁸ Trong quý tuyên truyền được 765 cuộc/21.079 lượt người. Vận động 253 hộ dân và 41 hộ kinh doanh ký cam kết, giao nộp các vật liệu nổ, chất độc, công cụ kích điện, ngư cụ cấm trong khai thác thủy sản; Vận động giao nộp bộ công cụ kích điện: 28 bộ công cụ kích điện; Công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm: Xử lý vi phạm hành chính 39 vụ/98 triệu đồng, xử lý hình sự 02 vụ).

Trên địa bàn tỉnh có tổng cộng 21 trang trại chăn nuôi tập trung⁹, 54 cơ sở giết mổ¹⁰. Số liệu tổng đàn ước hiện có: 325.000 con heo, 6.433.000 con gia cầm (trong đó đàn gà khoảng 3.580.000 con), 3.673 con trâu, bò; 12.500 con dê; 1.982 nhà yến.

Tổng đàn heo xuất chuồng trong quý 193.978 con, bằng 29,3% kế hoạch, bằng 106,5% so CK. Tổng đàn gia cầm xuất chuồng trong quý 3.790.900 con, bằng 29,1% kế hoạch, bằng 105,7% so CK.

Các bệnh thông thường trên gia súc, gia cầm xuất hiện rải rác, không đáng kể, cơ bản kiểm soát tốt¹¹. Riêng dịch tả heo Châu Phi trong quý phát sinh 10 ổ dịch (xã Đá Bạc, xã Tạ An Khương, Trần Văn Thời, xã Phú Tân, xã Cái Đồi Vàm, xã Nguyễn Phích, xã Trí Phải, xã Phước Long, xã Phú Mỹ và xã Khánh Lâm), tổng số lượng heo chết và tiêu hủy là 474 con; hiện có 06 ổ dịch chưa qua 21 ngày.

Công tác tiêm phòng¹², công tác kiểm dịch, và kiểm soát giết mổ thực hiện thường xuyên theo quy định.

1.3. Lâm nghiệp

Trong cao điểm mùa khô năm 2026, các đơn vị đã tăng cường theo dõi diễn biến thời tiết, tình hình khô hạn tại các khu vực rừng; thường xuyên xác định và thông báo cấp dự báo cháy rừng để kịp thời cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ cháy cao, đặc biệt là vùng rừng tràm U Minh Hạ. Đồng thời, kiểm tra việc thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng tại các đơn vị chủ rừng, duy trì chế độ trực, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, sẵn sàng xử lý kịp thời khi có tình huống cháy rừng xảy ra. Tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ động vật hoang dã; ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực lâm nghiệp. Phát hiện 08 vụ vi phạm quy định về bảo vệ rừng, bằng số vụ với cùng kỳ năm trước. Tổng số tiền phạt: 38 triệu đồng. Trong quý, sản lượng gỗ khai thác 62.090 m³, đạt 9,6% kế hoạch.

1.4. Diêm nghiệp

Diện tích sản xuất vụ 2025-2026: 1.550,08 ha (trong đó: diện tích sản xuất theo phương pháp truyền thống 1.342,57 ha; diện tích sản xuất trái bạt: 203,45 ha.); sản lượng thu hoạch tính đến ngày 26/02/2026 đạt 918,85 tấn (*trong đó sản lượng muối trái bạt 502,4 tấn*). Giá muối trắng: 1.200 - 1.500 đồng/kg. Trong đợt mưa trái mùa diễn ra từ ngày 25/02/2026 đến ngày 27/02/2026 đã tác động

⁹ 16 trại (01 trang trại nuôi heo nái sinh sản và 15 trang trại heo thịt) và 05 trang trại gà, hiện các trang trại đều tập trung chăn nuôi, ổn định sản xuất

¹⁰ (01 cơ sở giết mổ tập trung và 53 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ). Kiểm soát giết mổ trong tháng 18.071 con gia súc (LK 38.645 con) và 10.420 con gia cầm (LK 20.620 con)

¹¹ Bệnh trên gia súc (tụ huyết trùng, E Coli, phó thương hàn...) 6.178 con, chết 867 con; Bệnh trên gia cầm (tụ huyết trung, E Coli...) 1.678 con, chết 894 con.

¹² Trong quý, tiêm phòng gia súc 44.970 liều, tiêm phòng gia cầm 106.198 liều.

trực tiếp đến sản xuất của các hộ làm muối trên địa bàn tỉnh. Tổng diện tích sản xuất bị ảnh hưởng: 1.522,43/1.550,08 ha diện tích đang sản xuất (tỷ lệ diện tích bị ảnh hưởng khoảng 97%). Số hộ dân bị ảnh hưởng: 787 hộ, chủ yếu là các hộ diêm dân khó khăn *các xã: Long Điền, Đông Hải, Vĩnh Hậu và Tân Thuận*. Ước sản lượng thiệt hại: 10.785,16 tấn. Ước giá trị thiệt hại: Khoảng 12.942 triệu đồng (*tạm tính theo giá muối 1.200 đồng/kg*)

2. Kinh tế hợp tác, phát triển nông thôn, giảm nghèo

- Kinh tế hợp tác: Trong quý không thành lập mới HTX. Toàn tỉnh hiện có 05 liên hiệp hợp tác xã với 41 thành viên, 483 hợp tác xã nông nghiệp (trong đó có 374 hợp tác xã đang hoạt động) với 17.068 thành viên và 1.273 THT.

- Liên kết sản xuất: Báo cáo kết quả thực hiện phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp năm 2025; Kế hoạch thực hiện năm 2026 và giai đoạn 2026-2030. Giải ngân kinh phí hỗ trợ cho 04 dự án liên kết năm 2025 theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

- Phát triển nông thôn:

+ Chương trình bố trí dân cư: theo dõi tiến độ thực hiện các phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Cà Mau năm 2025, kết quả: UBND tỉnh Cà Mau đã công nhận 32 sản phẩm OCOP/12 chủ thể, trong đó có 03 sản phẩm/02 chủ thể đạt 4 sao và 29 sản phẩm/11 chủ thể đạt 3 sao. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 328 sản phẩm OCOP (gồm: 02 sản phẩm 5 sao, 74 sản phẩm 4 sao và 252 sản phẩm 3 sao) của 149 chủ thể OCOP.

- Giảm nghèo: Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ thông qua nhiều chính sách hỗ trợ sinh kế và an sinh xã hội. Trong thời gian qua đã tổ chức các hoạt động “Mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026”; tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch hỗ trợ sinh kế cho hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2025–2027; kế hoạch thực hiện chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026–2030 và kế hoạch triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2035. Hiện toàn tỉnh có 3.456 hộ nghèo (0,63%), 7.489 hộ cận nghèo (1,37%) và 10.810 hộ với 42.701 khẩu có mức sống trung bình, đời sống người dân từng bước được cải thiện.

3. Xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục rà soát, tổng hợp, theo dõi việc thực hiện bộ tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do ngành Nông nghiệp và Môi trường phụ trách; đồng thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2026 và giai đoạn 2026–2030 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Qua đó

góp phần nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, cải thiện điều kiện sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn..

4. Quản lý chất lượng, chế biến, phát triển thị trường

Thực hiện quản lý và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP cho 804 cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản, 89 nhà máy chế biến, xuất khẩu thủy sản. Trong quý đã tổ chức thực hiện thẩm định, kiểm tra đánh giá điều kiện ATTP cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đã cấp được 30 cơ sở, tiếp nhận 10 bản cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ tự công bố 44 sản phẩm của 18 cơ sở và 06 Thông báo thay đổi, bổ sung thông tin trên Bản tự công bố sản phẩm.

Thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân năm 2026. Triển khai các nhiệm vụ năm 2026: Thẩm định, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; ký cam kết và kiểm tra nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trên địa bàn tỉnh; thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

5. Thủy lợi, biến đổi khí hậu

5.1. Công tác quản lý, vận hành khai thác, duy tu sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi

Duy trì theo dõi triều cường vùng ngọt; kiểm tra độ kín nước các cửa cống, kịp thời khắc phục rò rỉ; thường xuyên cập nhật diễn biến thủy văn, xu thế xâm nhập mặn phục vụ sản xuất. Phối hợp đo đạc, quan trắc độ mặn vùng mặn - lợ (lúa – tôm) tại các vị trí thống nhất trên đồng ruộng và sông, kênh, rạch, làm cơ sở khuyến cáo xuống giống, bố trí lịch thời vụ bảo đảm hiệu quả, năng suất và chất lượng. Theo dõi chặt chẽ thời tiết, khí hậu, độ mặn, mực nước; rà soát, kiểm tra công trình kênh mương, cống, đập, đê; chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống thiên tai, bảo vệ sản xuất. Triển khai các kết luận, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh; quản lý và xử lý các điểm sạt lở bờ sông, bờ biển; đề xuất chủ trương đầu tư các dự án phòng, chống sạt lở.

5.2. Tình hình sạt lở, sụt lún, vi phạm hành lang đê điều

- Tình hình sạt lở: Trong quý không ghi nhận điểm sạt lở mới
- Tình hình sụt lún: Trong quý không phát hiện điểm sụt lún mới.
- Vi phạm đê điều: Trong quý phát sinh 13 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê biển Đông, 05 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê biển Tây. Tổng lũy kế 24 trường hợp.

5.3. Khí tượng thủy văn, Biến đổi khí hậu

Tiếp nhận và cấp phát 117 bồn nhựa chứa nước do UNICEF hỗ trợ; xây dựng Phương án ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô 2025–2026; triển khai các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn; tham mưu ban hành kế hoạch, quy chế phối hợp trong quản lý tài nguyên, khoáng sản; thẩm định, hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp do mưa trái mùa; thành lập tổ thẩm định hồ sơ hỗ trợ thiệt hại cho người dân.

Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng. Phối hợp địa phương rà soát vị trí lắp đặt bể chứa nước ngọt ứng phó hạn hán. Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Truyền tải thông tin thiên tai hằng ngày qua phần mềm nông nghiệp. Theo dõi sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, tình hình thiệt hại; kịp thời báo cáo lãnh đạo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo thường kỳ, đột xuất; tổ chức trực ban nghiêm túc, đúng quy định.

6. Tình hình thiên tai, tai nạn trên địa bàn tỉnh:

* Tình hình thiên tai, tai nạn, thiệt hại trên địa bàn tỉnh: Trong Quý I/2026, trên địa bàn xảy ra 03 vụ sạt lở đất ven sông với tổng chiều dài khoảng 45 m, ước thiệt hại khoảng 55 triệu đồng. Các điểm sạt lở chủ yếu làm hư hỏng lộ giao thông nông thôn và sụp lún đất ven kênh, tiềm ẩn nguy cơ tiếp tục sạt lở. Ngoài ra, trên tuyến Kênh Ba Đương (ấp Rạch Vẹt, xã Tam Giang) xảy ra 01 vụ lốc xoáy làm thiệt hại tài sản của 02 hộ dân, tổng thiệt hại ước khoảng 93 triệu đồng. Bên cạnh đó, từ ngày 25–27/02/2026 xảy ra mưa trái mùa gây thiệt hại sản xuất muối với tổng diện tích ảnh hưởng 1.522,43 ha, 787 hộ dân bị tác động, sản lượng thiệt hại ước 10.785,16 tấn muối, tổng giá trị thiệt hại khoảng 12.942 triệu đồng.

* Lũy kế tổng thiệt hại do thiên tai ước tính về tài sản từ đầu năm đến thời điểm báo cáo là 13.090 triệu đồng.

7. Quản lý tài nguyên

7.1. Đất đai

Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã cấp 23.561 Giấy chứng nhận với diện tích 8.637,38 ha. Tổng số hồ sơ tiếp nhận 28.781, đã giải quyết 23.474 hồ sơ đúng hạn, 36 hồ sơ trễ hạn, đang tồn chờ giải quyết 5.271 hồ sơ. Hiện nay Sở đang rà soát báo cáo giải trình hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn và đề xuất giải pháp chấn chỉnh, khắc phục, xử lý dứt điểm hồ sơ giải quyết trễ hạn.

Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và gia hạn sử dụng đất: Trong quý, đã hướng dẫn thực hiện trình tự thủ tục đất đai cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, như: Sư đoàn 8; Bệnh viện Sản

– Nhi Cà Mau; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Công ty CP du lịch sinh thái Nam Hải; Hệ thống đường dây truyền tải điện Quốc gia;... Tiếp nhận 01 hồ sơ giao đất của Công ty TNHH MTV Bất động sản 30-4 tại xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau, hiện đang tham mưu xử lý.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ Đơn vị tư vấn đề hoàn thiện nội dung Điều chỉnh Định hướng sử dụng đất để tích hợp vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phối hợp Sở Xây dựng rà soát, định hướng quy hoạch Khu ốc đảo phường Tân Thành.

Công tác thống kê đất đai năm 2025: Hiện nay 64 xã, phường/64 xã, phường đã gửi số liệu thống kê đất đai năm 2025. Văn phòng Đăng ký đất đai đang kiểm tra tổng hợp cấp tỉnh.

Công tác giá đất: 27 hồ sơ giá đất cụ thể thu tiền sử dụng đất, thuê đất (năm 2025 chuyên sang). Hiện đã trình thẩm định: 06 hồ sơ (12 Quyết định giao đất, cho thuê đất). Đang chờ ý kiến kết luận của cơ quan chức năng (cơ quan kiểm toán và cơ quan thanh tra): 02 hồ sơ (02 Quyết định cho thuê đất). Đơn vị tư vấn đang hoàn thiện Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất, dự thảo Chứng thư định giá đất: 04 hồ sơ (08 Quyết định giao đất, cho thuê đất). Đang thông báo mời đơn vị tư vấn tham gia (gồm có: 03 hồ sơ trên địa bàn Bạc Liêu cũ; 12 hồ sơ trên địa bàn Cà Mau trước đây và hiện nay): 15 hồ sơ (19 Quyết định giao đất, cho thuê đất). Thực hiện rà soát để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01/01/2026.

Công tác đo đạc, lập bản đồ: Trong quý, tiếp nhận, phê duyệt 107 bản vẽ, trong đó: 68 bản vẽ phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư; 39 bản vẽ phục vụ điều chỉnh các bản vẽ do điều chỉnh thiết kế dự án trong công tác thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

- *Công tác cập nhật và làm sạch Cơ sở dữ liệu đất đai:* Tiếp tục tổ chức rà soát, cập nhật, chỉnh lý và hoàn thiện dữ liệu đất đai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT và hướng dẫn tại Công văn số 2418/QLĐĐ-TKKTĐĐ. Ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác thực hiện xây dựng, hoàn thiện, làm giàu, làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai giai đoạn tiếp theo.

7.2. Tài nguyên nước, khoáng sản

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh và phê duyệt các hồ sơ khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho nhiều tổ chức, doanh nghiệp và hộ kinh doanh¹³. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước năm 2026;

¹³ Trong quý tiếp nhận 38 hồ sơ. Lũy tiến từ đầu năm 2025 chuyên sang 06 hồ sơ, tổng số hồ sơ giải quyết là 44 hồ sơ tài nguyên nước (UBND tỉnh cấp 04 Giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất); chỉnh sửa, bổ sung 10 hồ sơ; đang thẩm định 30 hồ sơ; phê duyệt 05 quyết định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, với tổng số tiền: 118.401.750 đồng

triển khai các quy định pháp luật mới, thực hiện nhiệm vụ kiểm kê tài nguyên nước.

Quản lý vận hành, khai thác 144 công trình cấp nước tập trung nông thôn: Tính đến nay, tổng sản lượng nước tiêu thụ 5.591.205 m³, doanh thu 26.943 triệu đồng. Tổng số khách hàng (ký Hợp đồng) 123.892 hộ.

7.3. Tài nguyên biển, hải đảo

Thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản¹⁴. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế ứng phó sự cố tràn dầu; rà soát tính tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo năm 2025; kết quả thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025; kết quả thực hiện quản lý khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau năm 2025. Phối hợp các địa phương báo cáo công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh. Phối hợp có ý kiến về chấp thuận chủ trương đầu tư, triển khai các dự án có phạm vi trên biển, cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển.

8. Môi trường

Tiếp nhận 03 hồ sơ đánh giá tác động môi trường (đang xử lý 01 hồ sơ), 38 hồ sơ cấp giấy phép môi trường (đã trình UBND tỉnh 17 hồ sơ), 01 hồ sơ điều chỉnh giấy phép môi trường, 29 hồ sơ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (đã xử lý 29 hồ sơ), 73 hồ sơ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Tham mưu UBND tỉnh: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chỉ đạo công tác thu gom rác thải, bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường phục vụ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Kế hoạch quản lý công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trình UBND tỉnh xin chủ trương thực hiện Dự án Điều tra, đánh giá, xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau; chủ trương đầu tư; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện đốt rác Khánh An; ban hành đề án về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026; Kế hoạch khảo sát công tác vệ sinh môi trường phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các hoạt động “Mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026”. Báo cáo đề xuất nội dung liên quan đến Công ty cổ phần Nam

¹⁴ Trong quý thực 09 cuộc; xử phạt 15 vụ/184,5 triệu đồng; Tuyên truyền: 179 tàu/870 lượt ngư dân)

Long Xanh; báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, các nội dung liên quan đến dự án Cải tạo, xử lý ô nhiễm triệt để bãi chôn lấp rác thải huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu (cũ); báo cáo tham mưu giải quyết khó khăn trong thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Cái Nước. Triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học và Luật Bảo vệ môi trường; các chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh: Kế hoạch Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch đầu tư hạ tầng thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Phối hợp đề nghị UBND các xã, phường lập kế hoạch triển khai xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các bãi rác hiện hữu trên địa bàn tỉnh và trong công tác quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn, đảm bảo chặt chẽ, không để ùn ứ, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân.

9. Công tác giống, khuyến nông

Thực hiện Chương trình Khuyến nông địa phương: Đã thực hiện chuyên đề “Kinh tế nông nghiệp” được 03/26 chuyên đề; 01/61 clip đăng tải trên phần mềm nông nghiệp, trên mạng xã hội; 01/61 kỳ Tư vấn trực tuyến kỹ thuật sản xuất nông nghiệp trên nền tảng xã hội. Tiếp tục theo dõi và hướng dẫn chăm sóc cây trồng, vật nuôi cho các mô hình, dự án đã triển khai thực hiện tại các xã, phường năm 2025. Xây dựng phương án các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ lĩnh vực thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi thú y. Triển khai Dự án “*Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa BL9 theo hướng hữu cơ cho vùng tôm - lúa huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu*” quy mô 20 ha, hiện lúa đang giai đoạn trổ. Tiếp tục chăm sóc cây dừa dứa đầu dòng, đánh giá ghi nhận các chỉ tiêu kỹ thuật làm cơ sở công nhận cây đầu dòng. Sản xuất lúa giống BL9 (xác nhận, nguyên chủng, siêu nguyên chủng) 13,26 ha.

10. Công tác xây dựng, ban hành VBQPPL

Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND: Sở Nông nghiệp và Môi trường có 19 Nghị quyết tham mưu xây dựng thay thế. Tuy nhiên, qua rà soát có 03 Nghị quyết tiếp tục áp dụng và 04 Nghị quyết tham mưu bãi bỏ do văn bản nguồn hết hiệu lực. Như vậy, tổng số nghị quyết ban hành văn bản thay thế là 12 Nghị quyết, ban hành trước ngày 01/6/2026. Hiện nay đã thành lập Tổ soạn thảo và thực hiện theo trình tự thủ tục luật định. Tổng số đăng ký mới là 05 Nghị quyết. Trong đó, đã có chủ trương xây dựng 01 Nghị quyết theo quy trình rút gọn, đang hoàn chỉnh trình Sở Tư pháp thẩm định, trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất. Còn lại 04 Nghị quyết chưa có chủ trương.

Theo Quyết định số 01606/QĐ-UBND ngày 04/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 109 quyết định phải tham mưu ban hành văn bản thay thế trước

ngày 01/6/2026. Đã ban hành xong 12 Quyết định. Còn lại là 97 Quyết định (gồm những Quyết định có cả 02 tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu đều có ban hành trước 01/7/2025). Số lượng quyết định phải ban hành lại là 51 quyết định. Đến nay, đã tham mưu ban hành 03 quyết định; gửi Sở Tư pháp thẩm định 02 Quyết định; lấy ý kiến Sở, Ban, Ngành và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử: 12 Quyết định; thành lập Tổ soạn thảo 49 Quyết định (có 05 Quyết định thực hiện bãi bỏ không ban hành mới). Đăng ký xây dựng mới: 03 Quyết định (Đã lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh: 01 Quyết định; 02 Quyết định đã thành lập Tổ soạn thảo và đang xây dựng dự thảo)

12. Công tác tổ chức cán bộ

Công tác tổ chức bộ máy được tập trung chỉ đạo quyết liệt, theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đến thời điểm hiện tại tại Sở có 25 đơn vị thuộc Sở¹⁵, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của tất cả các đơn vị thuộc Sở, trình Sở Nội vụ thẩm định đề án vị trí việc làm¹⁶ là cơ sở để thực hiện sắp xếp, bố trí công chức, viên chức đúng quy định. Rà soát, điều động bổ nhiệm 09 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (từ nơi thừa về nơi thiếu), bổ nhiệm mới 02 công chức. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 – 2031, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện thường xuyên đúng Kế hoạch của tỉnh¹⁷. Thực hiện nghiêm chỉnh sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức¹⁸.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Trong quý I, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyển biến tích cực, tiếp tục tăng trưởng. Sản lượng thủy sản đạt 19,6% kế hoạch, tăng 5,2% so cùng kỳ. Sản lượng tôm tăng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu trong dịp Tết nguyên đán. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, đa dạng đối tượng và phương thức nuôi; diện tích nuôi tôm mở rộng vào đầu vụ, giá tôm nguyên liệu tăng so với cùng kỳ. Sản lượng tôm nuôi vượt 13,7% so cùng kỳ. Sản xuất nông nghiệp ổn định, tập trung đẩy nhanh tiến độ thu hoạch các trà lúa đã xuống giống năm 2025, năng suất đạt khá; hoa màu duy trì sản xuất hiệu quả. Nhìn chung cây trồng trên địa bàn tỉnh sinh trưởng phát triển

¹⁵ Gồm: 04 phòng, 10 Chi cục, 11 đơn vị sự nghiệp công lập.

¹⁶ Đang tiếp thu góp ý của Sở Nội vụ đề án của 02 Chi cục và 05 Ban QLRPH

¹⁷ Cử 06 công chức, viên chức được cử đi học lớp Cao cấp lý luận chính trị và 01 công chức được cử đi học lớp Trung cấp chính trị hệ không tập trung.

¹⁸ Trình Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ 03 trường hợp viên chức xin nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ.

tương đối tốt. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi, thủy sản triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, các cơ sở chăn nuôi duy trì tái đàn sản xuất, góp phần ổn định tổng đàn gia súc, gia cầm phục vụ tốt công tác tái đàn. Tiếp tục duy trì thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng; chủ động triển khai thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2024 - 2025; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý tình trạng chặt phá cây rừng, vi phạm Luật Lâm nghiệp.

So với kịch bản tăng trưởng quý I được UBND tỉnh giao: Sản lượng thủy sản đạt 99,98% (trong đó sản lượng tôm vượt đến 6,4% so với kịch bản tăng trưởng quý I). Đàn heo xuất chuồng vượt 6%, gia cầm xuất chuồng đạt 5,5%. Riêng sản lượng lúa đạt 79,3% so với kịch bản tăng trưởng, do trong quý, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều và triều cường làm ảnh hưởng tiến độ xuống giống lúa Đông Xuân hơi muộn, dẫn đến tiến độ thu hoạch kéo dài sang đến quý II. Tuy nhiên, dự báo không ảnh hưởng đến năng suất và tổng sản lượng lúa trong năm.

Công tác quản lý về biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn ngày càng hoàn thiện, tạo cơ sở cho phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm. Các chương trình, kế hoạch hành động quốc gia trên lĩnh vực biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật để phù hợp với bối cảnh giai đoạn mới. Công tác quản lý tài nguyên nước từng bước đi vào nề nếp. Đã tăng cường rà soát, giám sát chặt chẽ các hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch, từ đó kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý những trường hợp vi phạm, tác động xấu đến môi trường, gây sạt lở, sụt lún đất. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cơ bản hợp lý, có hiệu quả, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý đất đai được tăng cường, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất; đồng thời các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được hướng dẫn, tham mưu thực hiện kịp thời, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, đo đạc bản đồ, thống kê đất đai tiếp tục được quan tâm thực hiện, từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý đất đai theo hướng hiện đại, đồng bộ. Trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, việc tham mưu cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn được thực hiện chặt chẽ, góp phần đảm bảo nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân. Công tác bảo vệ môi trường được triển khai khá toàn diện, thực hiện theo quy định trong thẩm định hồ sơ môi trường, quản lý chất thải và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và đầu tư hạ tầng xử lý chất thải.

2. Hạn chế, khó khăn

Thời tiết diễn biến phức tạp, xuất hiện mưa trái mùa, lượng mưa lớn gây thiệt hại sản xuất diêm nghiệp. Tiến độ xuống giống vụ lúa Đông Xuân của các địa phương còn chậm ảnh hưởng tiến độ thu hoạch kéo dài sang quý II, ảnh hưởng sản lượng quý I chưa đạt theo kịch bản giao. Trong quý, tình hình dịch bệnh trên vật nuôi còn phát sinh, nhất là dịch tả heo Châu Phi. Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai còn tồn đọng, một số hồ sơ giải quyết trễ hạn cần tiếp tục rà soát, khắc phục; công tác định giá đất và lựa chọn đơn vị tư vấn còn mất nhiều thời gian; hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, còn tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, công tác lập thủ tục đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư còn gặp khó khăn, ảnh hưởng tiến độ dự án. Công tác IUU còn nhiều nội dung phải khắc phục để quyết tâm tháo gỡ thẻ vàng của EC.

3. Nguyên nhân hạn chế

- Sản xuất nông nghiệp bị tác động bởi biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp gây thiệt hại sản xuất nông nghiệp.

- Chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, mầm bệnh tồn lưu trong môi trường.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhỏ ngư dân còn hạn chế, Hệ thống giám sát hành trình đôi lúc mất tín hiệu gây khó khăn trong công tác quản lý tàu cá.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm liên thông phục vụ công tác chuyên môn về đất đai, thủy sản còn hạn chế. Việc vận hành và khai thác các phần mềm hay gặp sự cố về đường truyền hoặc tốc độ xử lý chậm, gây ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện công tác số hóa và cập nhật dữ liệu.

- Hệ thống pháp luật về đất đai, đầu tư và giải phóng mặt bằng thời gian qua thường xuyên thay đổi, một số quy định chưa đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, tranh chấp, khiếu nại về giá bồi thường và xác định nguồn gốc đất còn phức tạp, làm chậm tiến độ bàn giao mặt bằng cho một số dự án. Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng ở một số khu vực chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc lập và điều chỉnh dự án đầu tư.

- Do chính quyền địa phương hai cấp mới triển khai, cán bộ cấp xã còn thiếu kinh nghiệm; một số địa phương và đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa thật sự chủ động, năng lực chuyên môn còn hạn chế nên việc xử lý vướng mắc chưa kịp thời.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUÝ II NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội và các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh giao chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2026. Xây dựng triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công trình dự án trọng tâm của Sở. Đẩy nhanh tiến độ tham mưu các văn bản quy phạm pháp luật được cấp thẩm quyền giao.

2. Hoàn thiện hồ sơ trình kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển ngành tôm đến năm 2030, Dự thảo các nội dung tham mưu Sở tổ chức sự kiện Festival tôm lần thứ 2; hoàn thiện hồ sơ trình Dự án tích hợp mở rộng Dự án nuôi hải sản ven biển, ven các đảo trên địa bàn tỉnh, dự án tích hợp mở rộng điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sinh; dự án tích hợp mở rộng kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản năm 2026; Xây dựng chính sách chuyển đổi nghề và giải bản tàu cá; quy định tiêu chí đặc thù của địa phương và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển, quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định săn, vét đất, bùn để cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, phát triển nuôi hải sản trên biển, Đề án đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các Chương trình, dự án, mô hình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công tác chống khai thác IUU; tập trung xử lý, ngăn chặn tàu cá trên địa bàn tỉnh vi phạm khai thác IUU; tăng cường lãnh đạo của cấp ủy đảng trong chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo "Thẻ vàng" của Ủy ban châu Âu; Tổng hợp báo cáo của các đơn vị có liên quan về kết quả thực hiện cao điểm chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và một số nội dung có liên quan.

3. Tiếp tục theo dõi tình hình thu hoạch lúa Đông Xuân, cây rau màu, cây ăn trái và cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, giám sát các ổ dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thực hiện đúng thời gian cách ly theo quy định. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đảm bảo xuyên suốt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nguồn cung thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra quản lý bảo vệ rừng; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm; tập trung công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong cao điểm mùa khô năm 2025 – 2026.

4. Tiếp tục thực hiện công tác đo đạc, quan trắc mực nước; theo dõi chặt chẽ tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước dâng và diễn biến thời tiết, khí hậu trên địa bàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, theo dõi hoạt động của các hệ thống thủy lợi nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề phát sinh, đảm bảo hiệu quả trong công tác ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước thông qua việc cấp, gia hạn và điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đồng thời đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, theo dõi và kiểm tra việc giải ngân vốn đầu tư theo kế hoạch nhằm đảm bảo tiến độ và phát huy hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; xây dựng kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng chống thiên tai năm 2026. Tăng cường phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều, tuần tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê; theo dõi các khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún và cập nhật kịp thời các bản tin cảnh báo triều cường để chủ động kiểm tra, đảm bảo an toàn hệ thống đê biển và các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

5. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông, mô hình, dự án trên địa bàn. Tiếp tục theo dõi diễn biến giá thị trường nông sản. Phối hợp các địa phương phân loại, đánh giá Hợp tác xã nông nghiệp năm 2025. Tiếp tục hướng dẫn thành lập mới Tổ hợp tác, Hợp tác xã tại các khu vực nuôi tôm siêu thâm canh an toàn sinh học (RAS-IMTA). Tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình OCOP giai đoạn 2021- 2025. Hỗ trợ khắc phục diện tích sản xuất muối thiệt hại, tái sản xuất kịp vụ mùa 2025-2026. Tiếp tục theo dõi kết quả thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới. Báo cáo đề xuất UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ liên quan giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

6. Tiếp tục theo dõi, tham mưu thực hiện dự án điều tra, đánh giá lại trữ lượng cát biển và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng. Hoàn thiện, trình ban hành Quyết định quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các văn bản liên quan. Tiếp tục rà soát, cập nhật dữ liệu giao khu vực biển; theo dõi, tổng hợp tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư, triển khai các dự án trên biển báo cáo cấp có thẩm quyền. báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 082/KH-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Tham mưu Lãnh đạo giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác quản lý nhà nước về đất đai. Tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường, đất đai đảm bảo kịp thời. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là việc

giải quyết các TTHC về đất đai; chỉ đạo thực hiện làm sạch dữ liệu còn lại trong 90 ngày và làm giàu dữ liệu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Tổ chức triển khai Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, nhiệm vụ, kế hoạch quý II/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường./. (Gửi kèm theo các phụ lục liên quan)

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thống kê tỉnh;
- Báo Cà Mau;
- Hội Thủy sản tỉnh; Hội Nông dân tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- BGĐ Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Minh)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Mười

PHỤ LỤC I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chính thức T2/2026	Ước TH T3/2026	LK 03/2026 (ƯTH Quý I/2026)	KH 2026	KB tăng trưởng QI	T3/2025	LK cùng kỳ QI (3 tháng)/CK	LK QI 2026 so CK (%)	LK QI 2026 so KH 2026 (%)	LK QI 2026 so KB QI (%)
A	THỦY SẢN											
1	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	86.000	91.000	262.000	1.335.000	262.060	88.065	249.034	105,21	19,63	99,98
	<i>Trong đó: sản lượng tôm</i>	<i>"</i>	<i>33.800</i>	<i>39.900</i>	<i>105.400</i>	<i>624.000</i>	<i>99.040</i>	<i>35.693</i>	<i>93.021</i>	<i>113,31</i>	<i>16,89</i>	<i>106,42</i>
1.1	Sản lượng khai thác	Tấn	31.000	32.000	94.000	370.000		31.685	91.264	103,00	25,41	
	<i>Trong đó: sản lượng tôm</i>	<i>"</i>	<i>1.800</i>	<i>1.900</i>	<i>5.400</i>	<i>19.000</i>		<i>1.793</i>	<i>5.071</i>	<i>106,48</i>	<i>28,42</i>	
1.2	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	55.000	59.000	168.000	965.000		56.380	157.770	106,48	17,41	
	<i>Trong đó: sản lượng tôm</i>	<i>"</i>	<i>32.000</i>	<i>38.000</i>	<i>100.000</i>	<i>605.000</i>		<i>33.900</i>	<i>87.950</i>	<i>113,70</i>	<i>16,53</i>	
2	Tổng diện tích nuôi tôm		388.194	422.194	422.194	418.000		400.789	400.789	105,34	101,00	
2.1	Diện tích nuôi tôm thâm canh	Ha	12.620	25.228	25.228	22.000		20.868	20.868	120,89	114,67	
2.2	Diện tích nuôi tôm siêu thâm canh		6.193	11.016	11.016	11.500		9.371	9.371	117,55	95,79	
2.3	Diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến	Ha	369.381	385.950	385.950	384.500		370.550	370.550	104,16	100,38	
B	NÔNG NGHIỆP											
1	Sản lượng lúa	Tấn	239.028	349.971	888.000	1.870.000	1.119.941	265.610	892.377	99,51	47,49	79,29
2	Đàn heo xuất chuồng	Con	70.520	68.242	206.518	705.000	195.000	64.314	193.978	106,46	29,29	105,91
3	Đàn gia cầm xuất chuồng	Con	1.346.726	1.320.951	4.008.432	13.770.000	3.800.000	1.250.347	3.790.900	105,74	29,11	105,49
C	LÂM NGHIỆP											
1	Trồng rừng mới	Ha					180					
2	Diện tích có rừng tập trung	Ha					97.442					
3	Tỷ lệ độ che phủ rừng và cây phân tán	%					20					
4	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%					12					
5	Sản lượng gỗ khai thác rừng	M3		65.195	65.195	676.000		62.090	62.090	105,00	9,64	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chính thức T2/2026	Ước TH T3/2026	LK 03/2026 (ƯTH Quý I/2026)	KH 2026	KB tăng trưởng QI	T3/2025	LK cùng kỳ QI (3 tháng)/CK	LK QI 2026 so CK (%)	LK QI 2026 so KH 2026 (%)	LK QI 2026 so KB QI (%)
D	DIÊM NGHIỆP											
1	Diện tích sản xuất muối	Ha		1.550	1.550	1.600					96,88	1.550
2	Sản lượng muối	Tấn		918,85	918,85	75.000					1,23	918,85

PHỤ LỤC II
TIẾN ĐỘ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày / 3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo	Lãnh đạo Sở phụ trách	Lãnh đạo đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến sản phẩm/Kết quả thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Đề án “Chiến lược phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”	Lê Văn Sử - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Phạm Văn Mười - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đỗ Chí Sĩ - Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Đề án	Đề án “Chiến lược phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đang xin chủ trương nhập với nhiệm vụ Đề án phát triển ngành tôm tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 05/02/2026). Đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 157/TTr-SNNMT ngày 13/02/2026)
2	Đề án phát triển ngành tôm tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2045				Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Đề án	
3	Đề án “Chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái trên				Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Đề án	

STT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo	Lãnh đạo Sở phụ trách	Lãnh đạo đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến sản phẩm/Kết quả thực hiện	Tiến độ thực hiện
	địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030”							
4	Đề án Nâng cao giá trị sản xuất và chế biến muối giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Lê Văn Sử - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Bùi Tứ Hải - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nguyễn Kiên Nhân - Chi cục trưởng Chi cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Văn bản triển khai	Đang thực hiện (chờ thêm chủ trương của trung ương)
5	Hướng dẫn UBND cấp xã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã		Huỳnh Thanh Dũng - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lâm Thái Hậu - Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai	Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Văn bản triển khai	Hoàn thành. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Công văn số 6995/SNNMT-QLĐĐ ngày 24/12/2025 gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để triển khai thực hiện theo quy định.

STT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo	Lãnh đạo Sở phụ trách	Lãnh đạo đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Dự kiến sản phẩm/Kết quả thực hiện	Tiến độ thực hiện
6	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027	Lê Văn Sử - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	trường		Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Năm 2026	Quyết định	Đang thực hiện
7	Danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau				Các sở, ban ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Năm 2026	Danh mục	Hoàn thành. Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh ban hành Nghị quyết tại Tờ trình số 188/TTr-SNNMT ngày 03/3/2026.